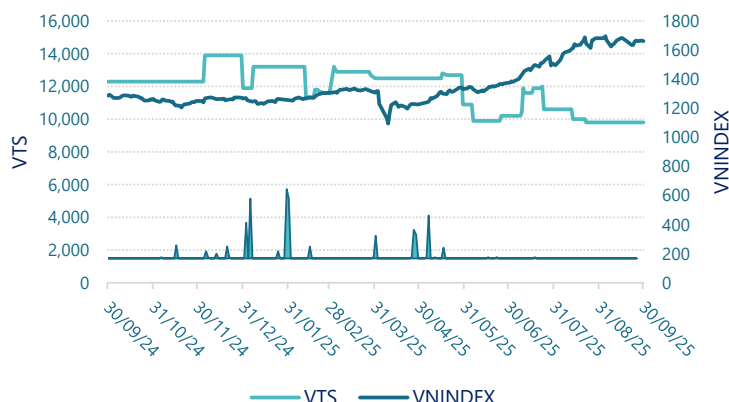


CTCP Gạch Ngói Từ Sơn (UPCOM: VTS)

Lịch sử giá



Thông tin giao dịch 30/09/2025

Giá hiện tại (VNĐ)	9,800
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	13,900
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	9,800
SL cổ phiếu LH	2,000,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)	
% sở hữu nước ngoài	1.9%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	20
P/E	-17.1
EPS	-571

DT thuần

Q3/25

0.70

tỷ VNĐ

QoQ: ▼2.29| -76.5%

YoY: ▼1.04| -59.6%

LN sau thuế

Q3/25

-0.61

tỷ VNĐ

QoQ: ▼2.42| -134%

YoY: ▼0.06| -10.2%

Tỷ suất lãi EBIT

Q3/25

-86.3%

+/- YoY: ▼ 54.7%

DT thuần

9T 2025

5.19

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 0.52| 11.2%

LN sau thuế

9T 2025

-0.04

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 3.91| 99.0%

ROE

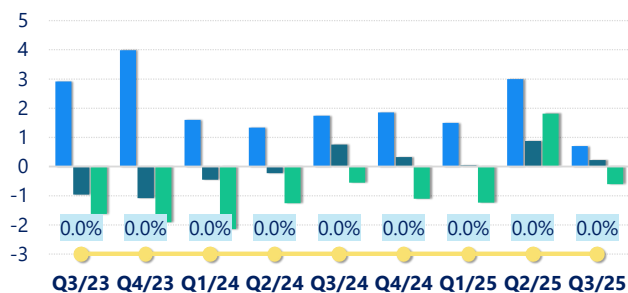
Q3/25

-9.4%

+/- YoY: ▲ 28.1%

tỷ VNĐ

Kết quả kinh doanh

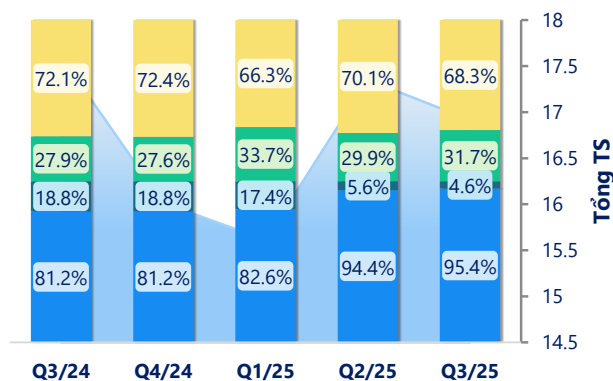


Doanh thu thuần
Lợi nhuận gộp
Lợi nhuận sau thuế
Tăng trưởng LN sau thuế (YoY)

(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tổng tài sản

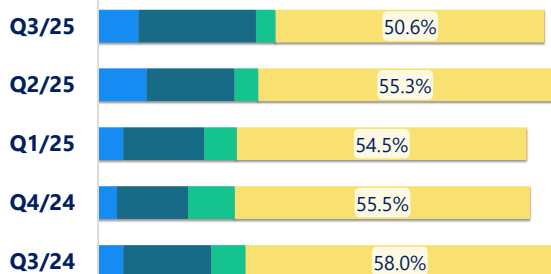
tỷ VNĐ



Tổng tài sản
Tài sản ngắn hạn
Tài sản dài hạn
Nợ phải trả
Nguồn VCSH

(Nguồn: fireant.vn)

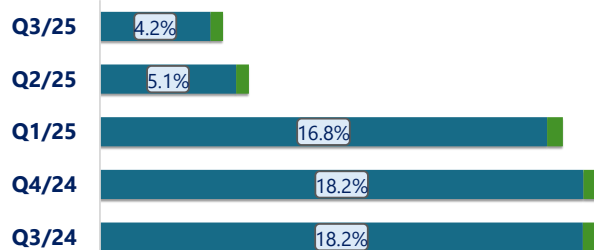
Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



Tiền và TĐ tiền
Đầu tư TC ngắn hạn
Phải thu ngắn hạn
Hàng tồn kho
TSNH khác

(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS

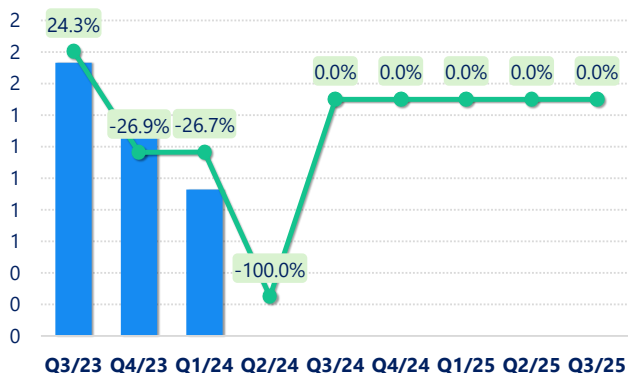


Phải thu dài hạn
Tài sản cố định
Bất động sản đầu tư
Tài sản dài hạn khác
Đầu tư tài chính dài hạn
Lợi thế thương mại

(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

Nợ vay

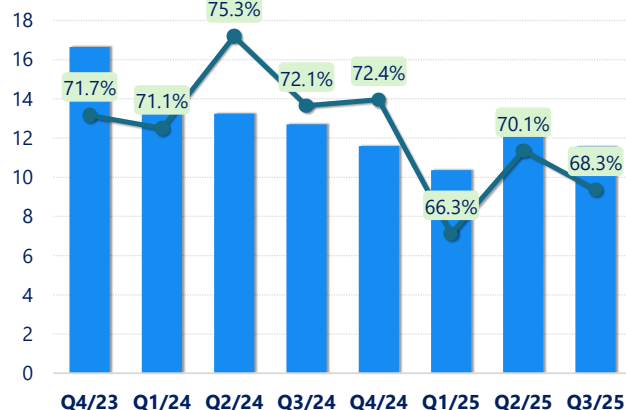


Vay và nợ thuê ngắn hạn
Vay và nợ thuê dài hạn
Tăng trưởng nợ vay

(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

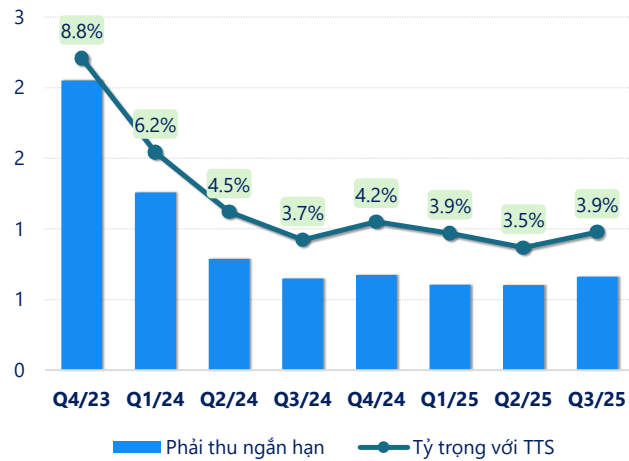
Vốn chủ sở hữu



Vốn chủ sở hữu
Tỷ trọng với TTS

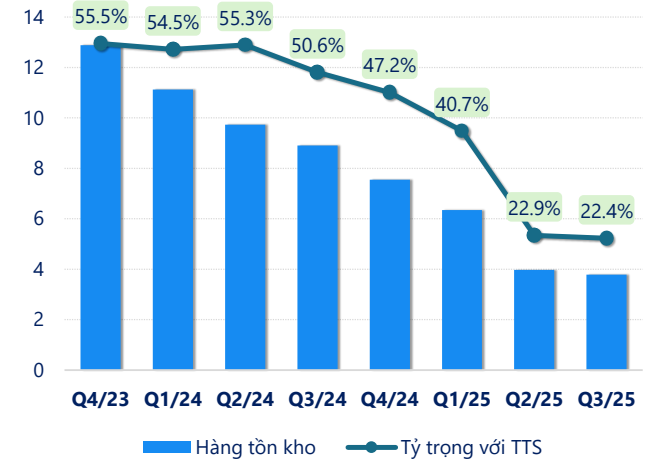
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

Phải thu ngắn hạn


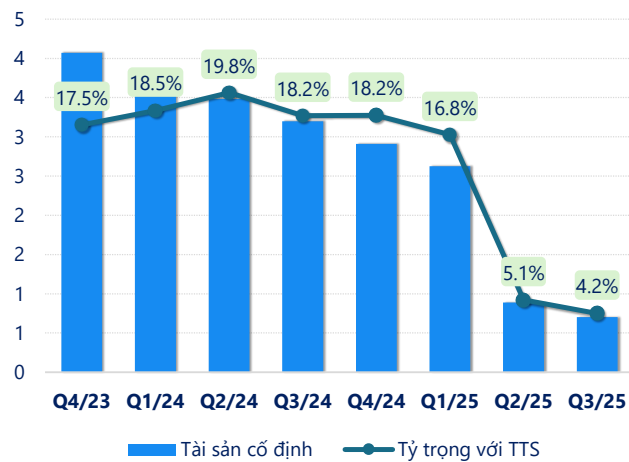
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

Hàng tồn kho


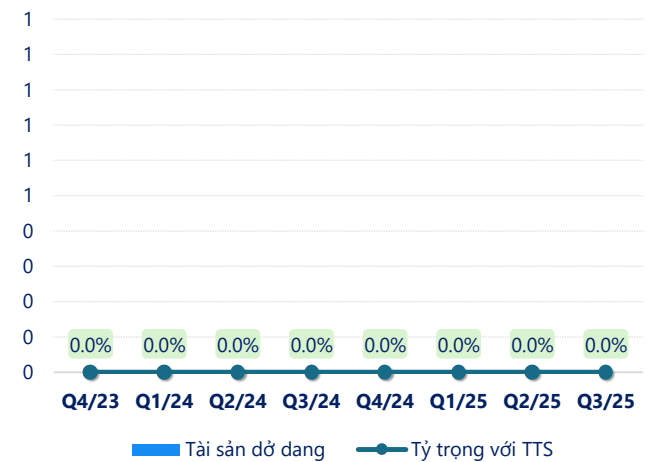
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

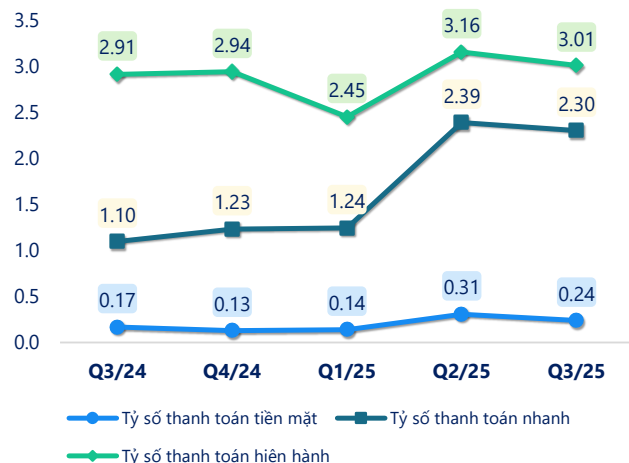
Tài sản cố định


(Nguồn: fireant.vn)

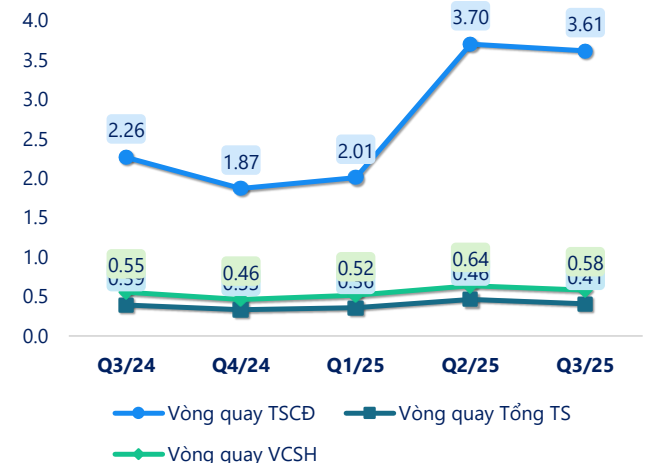
tỷ VNĐ

Tài sản dở dang


(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản


(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản


(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Tổng tài sản	17.6	16.0	15.6	17.4	16.9
Tài sản ngắn hạn	14.3	13.0	12.9	16.4	16.1
Tiền và tương đương tiền	0.83	0.57	0.74	1.59	1.28
Đầu tư tài chính ngắn hạn	3.90	4.20	5.20	10.2	10.4
Phải thu ngắn hạn	0.65	0.67	0.61	0.60	0.66
Hàng tồn kho	8.91	7.55	6.35	3.98	3.79
Tài sản ngắn hạn khác	0.01	0.00	0.00	0.01	0
Tài sản dài hạn	3.31	3.01	2.72	0.97	0.78
Phải thu dài hạn	0	0	0	0	0
Tài sản cố định	3.20	2.91	2.62	0.89	0.70
Bất động sản đầu tư	0	0	0	0	0
Tài sản dở dang	0	0	0	0	0
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	0	0	0
Tài sản dài hạn khác	0.11	0.10	0.09	0.08	0.08
Lợi thế thương mại	0	0	0	0	0
Nợ phải trả	4.90	4.42	5.26	5.19	5.36
Nợ ngắn hạn	4.90	4.42	5.26	5.19	5.36
Vay và nợ thuê ngắn hạn	0	0	0	0	0
Phải trả người bán ngắn hạn	2.76	2.78	2.82	2.77	2.67
Nợ dài hạn	0	0	0	0	0
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	0	0	0
Nguồn vốn chủ sở hữu	12.7	11.6	10.4	12.2	11.6
Vốn chủ sở hữu	12.7	11.6	10.4	12.2	11.6
Vốn điều lệ	20.0	20.0	20.0	20.0	20.0
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)